

Bản án số: 72/2021/DS-PT

Ngày 15 - 11 - 2021

“V/v Tranh chấp về thừa kế
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ph

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu H

Bà Trần Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Ch - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân c, tỉnh Nghệ An, bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2021, giữa các Đ sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị H , sinh năm 1962. Địa chỉ: xóm Phụng Lịch 2, xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An. Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H: Luật sư Nguyễn Thị Tr , thuộc Văn phòng Luật sư Lê Tr – Đoàn luật sư Nghệ An. Có mặt;

- *Bị đơn:* Chị Cao Thị Th , sinh năm 1979. Nơi ĐKKHKT: xóm Hồng Yên, xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An. Hiện tạm trú tại: xóm Phụng Lịch 2, xã C, huyện c, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Th: Luật sư Nguyễn Vinh D , thuộc Văn phòng Luật sư Vinh D & Cộng sự - Đoàn luật sư Nghệ An. Có mặt;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị Ngọc L , sinh năm 1953. Địa chỉ: xóm 3, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt;

2. Bà Vũ Thị Đ , sinh năm 1970. Địa chỉ: Xóm 3, xã C, huyện X, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt. Bà Đ ủy quyền cho bà Vũ Thị Ngọc L (Chị gái) tham gia tố tụng. Bà L có mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Cao Thị Th , bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bà Vũ Thị H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H trình bày: Bố mẹ bà H là cụ Vũ Đ và cụ Phạm Thị Nh , sinh được bốn người con chung gồm, bà Vũ Thị Đ g sinh năm 1949 (bà Đ chết năm 2019 và có 01 người con là Cao Thị Th sinh năm 1979), bà Vũ Thị Ngọc L sinh năm 1953, bà Vũ Thị H sinh năm 1962, bà Vũ Thị Đ sinh năm 1970.

Cụ Vũ Đ chết ngày 08 tháng 6 năm 1990, cụ Phạm Thị Nh chết ngày 16 tháng 02 năm 2010, hai cụ chết không để lại di chúc. Hai cụ chết để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 465, tờ bản đồ số 02, diện tích 349m² (theo hiện trạng sử dụng đất diện tích là 335,6m²), tại xóm 5 (cũ), nay là xóm X, xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 257331 ngày 18/12/1996 mang tên cụ Phạm Thị Nh (GCNQSDĐ hiện nay chị Th đang cất giữ). Do bà Vũ Thị Đ không có chỗ ở nên năm 1994, cụ Nh cho về ở cùng nhà trên đất của hai cụ. Năm 2001, do nhà của hai cụ xuống cấp nên bà Đ xin phép phá dỡ và bà Đ có xây dựng lại nhà cấp 4 trên khuôn viên đất của hai cụ. Đến năm 2015, bà Đ ốm nên đã về chung sống với con gái là Cao Thị Th tại xóm C, xã C và chết tại đó vào năm 2019. Chị Th nhiều lần đề nghị sang tên bìa đất cho chị Th nhưng bà H và những người khác không nhất trí. Đã nhiều lần bà H , bà L , bà Đ về thắp hương thờ cúng bố mẹ và ông bà tổ tiên đều bị chị Th khóa cửa gây khó khăn cho bà H , bà L , bà Đ và những người khác. Các bà đã nhiều lần đề nghị mua lại căn nhà nhưng chị Th không đồng ý. Nay bà H yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Vũ Đ và cụ Phạm Thị Nh .

Các bà H , bà L và bà Đ có nguyện vọng xin được sở hữu căn nhà của bà Vũ Thị Đ làm tài sản chung để làm nhà thờ cúng các cụ, vì từ trước tới nay, bàn thờ gia tiên và thắp hương thờ cúng là ở ngôi nhà của bố mẹ để cho bà Đ (chị gái) ở. Nay bà Đ chết cháu Th đã đưa về nhà riêng của cháu Th ở Diễn Ng để thờ cúng, nên không ai chăm sóc hương khói cho tổ tiên. Về giá trị ngôi nhà, công trình xây dựng trên đất, bà H , bà L , bà Đ thống nhất trả cho chị Th giá trị bằng tiền. Về phần đất được chia cháu Th 01 phần, phần còn lại cả ba bà sử dụng

chung và ghi tên cả ba người (bà H , bà L , bà Đ) cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chị Cao Thị Th trình bày: Cụ Vũ Đ và cụ Phạm Thị Nh có bốn người con chung là bà Vũ Thị Ngọc L , bà Vũ Thị H , bà Vũ Thị Đ , bà Vũ Thị Đ (mẹ chị Th). Cụ Đ chết năm 1990. Cụ Nh chết năm 2010, hai cụ chết không để lại di chúc. Hai cụ có di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thửa đất số 465 tờ bản đồ số 02 diện tích 349m² tại xóm 5, xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An nay là thửa số 135 tờ bản đồ địa chính số 12 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 257331 vào năm 1996 mang tên cụ Nh. Bà Vũ Thị Đ chết năm 2019, có chồng là ông Cao Văn Tr (Theo chị Th thì, ông Tr chết khi chị Th h 02 - 3 tuổi, khoảng năm 1991) chị Th là người con duy nhất của bà Vũ Thị Đ .

Năm 1994, sau khi bố chị Th chết, cụ Nh ở một mình nên bà Đ đã bán nhà, đất của mình về sống cùng cụ Nh bà ngoại chị Th . Năm 2001, do nhà của cụ Đ và cụ Nh xuống cấp, chị Th và mẹ là bà Đ đã xây dựng lại nhà trên đất của hai cụ. Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, nếu phân chia di sản theo ý các bà H , bà L , bà Đ , chị Th có nguyện vọng nhận phần đất có ngôi nhà để có nơi thờ cúng ông bà tổ tiên và thờ phụng bà Đ mẹ chị.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Vũ Thị Ngọc L và bà Vũ Thị Đ thống nhất trình bày: Bà L , bà Đ thống nhất về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Vũ Đ và cụ Phạm Thị Nh, thời điểm hai cụ chết, di sản thừa kế của hai cụ là quyền sử dụng đất thửa đất số 465 tờ bản đồ số 02, nay là thửa số 135, tờ bản đồ địa chính số 12, diện tích 349m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Nh. Nay bà H yêu cầu chia di sản thừa kế của hai cụ thì bà L, bà Đ cũng nhất trí chia thừa kế. Bà L, bà Đ thống nhất với ý kiến bà H nhận ngôi nhà và phần đất có nhà, trả cho chị Th giá trị bằng tiền, phần của ba bà sử dụng chung và ghi tên cả ba người (bà H, bà L, bà Đ) cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để có nơi thờ cúng ông bà tổ tiên.

Tại Bản án sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân D, tỉnh Nghệ An đã Quyết định: Căn cứ Điều 70, điều 227, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điểm đ khoản 1, Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết của UBTV Quốc hội số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 188 Luật đất đai năm 2013, điều 609, điều 611, điều 612, điều 613, điều 623, điều 649, điều 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chia di sản thừa kế của cụ Vũ Đ và cụ Phạm Thị Nh theo pháp luật.

- Chia cho bà Vũ Thị H và bà Vũ Thị Ngọc L, bà Vũ Thị Đ được đồng sử dụng phần diện tích đất 229,1m² (trong đó đất ở 150m² và 79,1m² đất vườn), trị giá 687.300.000 đồng (mỗi suất thừa kế được hưởng trị giá 229.100.000 đồng làm tròn số tại thửa số 465, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 135, tờ bản đồ địa chính số 12) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 257331 ngày 18/12/1996 mang tên cụ Phạm Thị Nh. Phần diện tích đất được chia có tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp phần đất hộ ông Phạm Xuân Tư kích thước (từ điểm A đến điểm B = 7,66m; từ điểm B đến điểm C = 5,65 m; từ điểm C đến điểm D = 10,6m.

+ Phía Đông tiếp giáp đường vào ngõ ông Ngô Minh Nhuận kính thước: từ điểm D đến điểm E = 5,28m; từ điểm E đến điểm F = 4,15m.

+ Phía Nam giáp phần đất giao cho chị Cao Thị Th kích thước từ điểm F đến điểm M = 23,69m.

+ Phía Tây giáp đường bê tông giao thông nông thôn kích thước từ điểm A đến điểm N = 8,82m; từ điểm N đến điểm M = 0,79m.

- Giao cho bà Vũ Thị H và bà Vũ Thị Ngọc L, bà Vũ Thị Đ được sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản nằm trên phần đất được phân chia gồm: 01 nhà lợp ngói mái vĩa, diện tích sử dụng 45m², xây dựng năm 2000 trị giá 51.120.000 đồng; 01 nhà bếp diện tích 8,25m², xây dựng năm 2002 trị giá 6.237.000 đồng; 01 nhà tắm+ nhà vệ sinh diện tích 7,425m² trị giá 17.374.500 đồng; 01 giếng (thùng) nước trị giá 1.580.000 đồng; 55m² bờ tường bao trị giá 3.960.000 đồng; 02 trụ cổng trị giá 687.610 đồng; 02 cánh cửa lưới B40 trị giá 200.000 đồng; 02 khuông thùng bê tông đựng nước mưa trị giá 400.000 đồng, số tài sản này nằm trên phần diện tích đất đã chia cho bà H, bà L, bà Đ. Bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Ngọc L, bà Vũ Thị Đ có trách nhiệm Th toán khoản tiền giá trị tài sản cho chị Cao Thị Th số tiền là 81.559.110 đồng (Tám mươi một triệu năm trăm năm mươi chín nghìn một trăm mười đồng).

Chia theo kỷ phần bà H, bà L, bà Đ mỗi người có trách nhiệm trả cho chị Cao Thị Th khoản tiền nhận tài sản là 27.186.370 đồng (Hai mươi bảy triệu một trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Ngọc L, bà Vũ Thị Đ về quyền đồng sở hữu, sử dụng chung phần tài sản được phân chia di sản thừa kế và được ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Chia cho chị Cao Thị Th được sử dụng phần diện tích đất thừa kế là $76,36\text{m}^2$ (trị giá 229.100.000 đồng) và $30,14\text{m}^2$ phần đất trích công sức; Tổng diện tích là $106,5\text{m}^2$ (trong đó đất ở 50m^2 và $56,5\text{m}^2$ đất vườn) tại thửa đất số 465, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 135, tờ bản đồ địa chính số 12) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 257331 ngày 18/12/1996 mang tên cụ Phạm Thị Nh kích thước tứ cận cụ thể:

+ Phía Bắc giáp phần đất giao cho bà Vũ Thị H và bà Vũ Thị Ngọc L, bà Vũ Thị Đ, kích thước (từ điểm M đến điểm F = 23,69m).

+ Phía Đông tiếp giáp đường vào ngõ ông Ngô Minh Thuận kích thước (từ điểm F đến điểm G = 4,6m).

+ Phía Nam giáp phần đất hộ ông Ngô Xuân Liên kích thước (từ điểm G đến H = 11,58m; từ điểm H đến điểm I = 4,34m; từ điểm I đến điểm K = 3,26m; từ điểm K đến điểm L = 4,42m).

+ Phía Tây giáp đường bê tông giao thông nông thôn kích thước (từ điểm L đến điểm M = 4,6m).

Chị Cao Thị Th được nhận từ bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Ngọc L, bà Vũ Thị Đ khoản tiền giá trị tài sản trên đất không phải di sản là 81.559.110 đồng (Tám mươi một triệu năm trăm năm chín nghìn một trăm mười đồng).

Các phần đất đã chia cho các Đ sự sử dụng có sơ đồ kèm theo bản án.

Các Đ sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục về đất đai theo quy định của luật đất đai hiện hành

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, chị Cao Thị Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do: Ngôi nhà trên thửa đất tranh chấp là của bà Đ (mẹ chị) bán đất, nhà của mình dồn toàn bộ tiền về xây dựng, tạo lập nên, chứ cụ Nh ở một mình già yếu không có đóng góp gì. Khi xây dựng được sự đề nghị và đồng ý của cụ Nh và các dì (là bà H, bà L, bà Đ), với mục đích vừa là nơi cho mẹ con chị và bà ngoại cùng sinh sống và là nơi thờ tự sau này. Tuy nhiên, việc tòa án cấp sơ thẩm giao ngôi nhà đó cho các dì (Bà H, bà L, bà Đ) để làm nhà thờ chung là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Th. Hiện các bà H, bà L, bà Đ đều có nhà của riêng ổn định, còn mẹ con chị Th chưa có nơi ở ổn định và ngôi nhà do mẹ chị tạo lập để thờ phụng mẹ. Vì vậy, chị Cao Thị Th đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Cao Thị Th thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng phần trích công sức quản lý, tôn tạo đất; giao ngôi nhà và phần đất có ngôi nhà cho chị Th sở hữu, sử dụng, nếu

diện tích lớn hơn so với phần được hưởng chị Th sẽ trích bằng tiền cho 03 bà theo giá trị đã định giá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa; các Đ sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của chị Cao Thị Th; sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng trích công sức tôn tạo, quản lý đất cho bà Đ (Mẹ chị Th) tương Đ 01 suất thừa kế; giao ngôi nhà và phần đất có nhà cho chị Th sở hữu, sử dụng, chị Th trích trị giá chênh lệch phần đất cho các bà H, bà L, bà Đ nếu phần đất tăng lên so với phần chị Th được hưởng; sửa án phí theo quy định mà các Đ sự phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các Đ sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các Đ sự, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Xét kháng cáo của chị Cao Thị Th, Hội đồng xét xử nhận định:

Vợ chồng cụ Vũ Đ và cụ Phạm Thị Nh là bố mẹ của bà Vũ Thị H và ông bà ngoại của chị Cao Thị Th. Cụ Vũ Đ, cụ Phạm Thị Nh có 4 người con gồm: Bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Ngọc L, bà Vũ Thị Đ và bà Vũ Thị Đ (bà Vũ Thị Đ, chết năm 2019, chồng Cao Văn Tr chết khoảng 1991) có một người con gái duy nhất là chị Cao Thị Th.

Cụ Vũ Đ chết ngày 08/6/1990, cụ Phạm Thị Nh chết ngày 16/02/2010, hai cụ chết không ai để lại di chúc. Di sản của vợ chồng cụ Đ, cụ Nh để lại là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 465, tờ bản đồ số 02, diện tích 349m² (diện tích thực tế 335,6m²) tại xóm 5 (nay là xóm Phụng Lịch 2), xã D, huyện D đã được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H257331 ngày 18/12/1996 mang tên cụ Phạm Thị Nh. Năm 1994, được sự đồng ý của cụ Nh, mẹ con bà Vũ Thị Đ đã bán nhà, đất của mình về sống cùng cụ Nh trên thửa đất. Năm 2001 do nhà của vợ chồng cụ Nh xuống cấp nặng nên bà Đ đã bỏ toàn bộ kinh phí làm lại ngôi nhà và cụ Nh, mẹ con bà Đ sống cùng nhau đến năm 2010 thì cụ Nh chết, bà Đ và chị Th tiếp tục quản lý và sử dụng đất, tài sản trên đất đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, cũng như tại cấp phúc thẩm các bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Ngọc L, bà Vũ Thị Đ và chị Cao Thị Th đều xác định và thừa nhận: Di sản của vợ chồng cụ Vũ Đ và cụ Phạm Thị Nh để lại

là quyền sử dụng đất diện tích thực tế 335,6m² thuộc thửa đất số 465, tờ bản đồ số 02, tại xóm 5 (nay là xóm 2) xã D, huyện C, ngoài ra không có tài sản gì khác. Tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4, các công trình đi kèm đều do bà Vũ Thị Đ (mẹ chị Th tạo lập). Vợ chồng cụ Đ, cụ Nh chết không ai để lại di chúc, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành chia thừa kế diện tích thửa đất của hai cụ cho các đồng thừa kế là có căn cứ.

Tuy nhiên, xét về nguồn gốc thửa đất và quá trình sử dụng đất, thấy rằng: bà Vũ Thị Đ (mẹ của chị Th) được sự đồng ý của cụ Nh về ở cùng trên thửa đất từ năm 1994, năm 2001 bà Đ (Mẹ chị Th) đã bỏ ra toàn bộ kinh phí làm lại ngôi nhà để ở và có công sức lớn trong việc quản lý, duy trì thửa đất từ trước đến nay. Đặc biệt từ khi cụ Nh chết năm 2010, bà Đ, chị Th là người trực tiếp quản lý sử dụng đất và làm nghĩa vụ đối với thửa đất, nhưng cấp sơ thẩm chỉ trích công sức cho bà Đ 30,14m² là quá thấp, chưa tương xứng với công sức bà Đ đối với thửa đất. Do đó cần trích công sức quản lý tôn tạo đất cho bà Đ (mẹ chị Th) 83,6m², trị giá 250.800.000đ còn lại 252m² chia 04 suất thừa kế mỗi suất là 63m², trị giá 189.000.000đ. Cụ thể:

Chị Th được trích, chia 146,6m² trị giá 439.800.000đ (Được trích 83,6m² trị giá 250.800.000đ, được chia 63m² trị giá 189.000.000đ); chia cho bà H, bà L, bà Đ 03 suất 189m² trị giá 567.000.000đ.

Xét thực tế hiện trạng diện tích thửa đất, ngôi nhà cấp bốn và các công trình, tài sản trên đất do bà Vũ Thị Đ (Mẹ chị Th) tạo lập và nhu cầu về nhà ở, thấy rằng: Các bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Ngọc L và bà Vũ Thị Đ lấy chồng, xây dựng đã có nhà ở riêng ổn định nơi khác và tại phiên tòa phúc thẩm các bà H, bà L cũng xác định, không có nhu cầu nhận đất để ở mà để xây dựng nơi thờ cúng và thống nhất nhận phần đất trống, nhưng giữ nguyên diện tích đất mà cấp sơ thẩm đã tuyên. Xét, ngôi nhà cấp bốn và các công trình đi kèm do mẹ con chị Th tạo lập và trong quá trình giải quyết vụ án chị Th tha thiết có nguyện vọng nhận phần đất có ngôi nhà là kỷ vật duy nhất để mẹ con chị Th ở và là thờ cúng bà Đ mẹ chị. Hơn nữa, tại cấp phúc thẩm chị Th cho rằng, nếu phần đất chia cho các bà H, bà L, bà Đ không đủ khuôn viên để làm nhà thờ, thì chị Th tự nguyện cắt phần via của ngôi nhà cấp bốn của mình để giao đất cho các bà, các loại tài sản trên đất như, phần tường bao, cổng và các loại cây cối trên đất các bà được sở hữu mà không phải trích trị giá về tài sản. Xét nhu cầu về nơi ở và nguyện vọng của chị Th là phù hợp pháp luật, đạo lý và phong tục tập quán của người Việt. Hơn nữa các bà H, bà L, bà Đ đều yêu cầu chia thừa kế diện tích đất và nhập chung để làm nơi thờ phụng ông bà, bố mẹ, chứ không có nhu cầu làm nơi ở.

Bởi vậy, kháng cáo của chị Cao Thị Th là có căn cứ cần chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng; giao ngôi nhà cấp bốn và các công trình đi kèm cho

chị Th sở hữu; chấp nhận sự tự nguyện của chị Th tháo dỡ phần via đưa ra trên phần đất chia cho 03 bà. Căn cứ thực trạng thửa đất và công trình trên đất, đề bảo đảm giá trị sử dụng công trình trên đất, phần đất chị Th được trích, chia lớn hơn phần được hưởng, chị Th phải Th toán quyền sử dụng đất bằng tiền cho bà H, bà L, bà Đ theo kết quả định giá và 03 bà được sở hữu các loại tài sản, cây cối trên phần đất được chia mà không phải Th toán trị giá tài sản cho chị Th. Phần đất được trích chia cụ thể như sau:

Trích, chia cho chị Th phần diện tích đất phía Bắc (Phần đất có ngôi nhà) diện tích 190,4m² (Trong đó, 110m² đất ở và 80,4m² đất vườn), trị giá 571.200.000đ; chia cho các bà H, bà L, bà Đ diện tích đất phía Nam diện tích 145,2m² (Trong đó, 90m² đất ở và 55,2m² đất vườn),, trị giá 435.600.000đ. Nhưng chị Th phải Th toán trị giá 43,8m² cho bà H, bà L, bà Đ là 131.400.000đ

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm về số tiền mà các bên phải Th toán cho nhau, nên cần tính lại cho phù hợp; Bà L thuộc diện người cao tuổi, bà H thuộc diện gia đình chính sách nên được miễn án phí; bà Đ; chị Th phải chịu án phí tương ứng phần tài sản được chia.

[4.2] Về án phí phúc thẩm: Một phần kháng cáo của chị Th được chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng: Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm người yêu cầu đã nộp tạm ứng và tự nguyện chịu toàn bộ (Đã thực hiện xong) không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của chị Cao Thị Th, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 188 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1, điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trích, chia di sản thừa kế của cụ Vũ Đ và cụ Phạm Thị Nh quyền sử dụng đất diện tích thực tế 335,6m²

thuộc thửa đất số 465, tờ bản đồ số 02, tại xóm 5 (nay là xóm 2) xã C, huyện D, hiện đang do chị Cao Thị Th quản lý, cụ thể:

1. Trích, chia cho chị Cao Thị Th sử dụng phần diện tích đất $190,4\text{m}^2$ (trong đó đất ở 110m^2 và $80,4\text{m}^2$ đất vườn), trị giá 571.200.000 đồng, thuộc thửa đất số 465, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 135, tờ bản đồ địa chính số 12), tại xóm 5 (Nay là xóm Phụng Lịch 2, xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Diễn Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 257331 ngày 18/12/1996 mang tên cụ Phạm Thị Nh (Trong đó được trích $83,6\text{m}^2$ trị giá 250.800.000 đồng, được chia 63m^2 trị giá 189.000.000 đồng, nhận phần đất chênh lệch $43,8\text{m}^2$ trị giá 131.400.000đ). Phần diện tích đất được trích, chia cho chị Th sử dụng có tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp phần đất hộ ông Phạm Xuân Tư (Thửa đất số 121) có kích thước các điểm $7,66\text{m} + 5,65\text{m} + 10,60\text{m}$.

+ Phía Đông tiếp giáp đường vào ngõ ông Ngô Minh Nhuận có kích thước các đoạn $5,28\text{m} + 1,60\text{m}$.

+ Phía Nam giáp phần đất giao cho 3 bà H, bà L, bà Đ có kích thước $23,75\text{m}$.

+ Phía Tây giáp đường bê tông giao thông nông thôn kích thước $8,82\text{m}$.

Chị Cao Thị Th phải Th toán cho bà Vũ Thị H, Vũ Thị Ngọc L, bà Vũ Thị Đ trị giá quyền sử dụng đất $43,8\text{m}^2$ là 131.400.000 đồng;

Chị Cao Thị Th được sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản nằm trên phần đất được phân chia gồm: 01 nhà lợp ngói mái vĩa, diện tích sử dụng 45m^2 , xây dựng năm 2001 trị giá 51.120.000 đồng; 01 nhà bếp diện tích $8,25\text{m}^2$, xây dựng năm 2002 trị giá 6.237.000 đồng; 01 nhà tắm+ nhà vệ sinh diện tích $7,425\text{m}^2$ trị giá 17.374.500 đồng; 01 giếng (thùng) nước trị giá 1.580.000 đồng; 02 khuông thùng bê tông đựng nước mưa trị giá 400.000 đồng và các loại cây cối... (Số tài sản này của bà Đ mẹ chị Th nằm trên phần diện tích đất trích, chia cho chị Th).

2. Chia cho bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Ngọc L, bà Vũ Thị Đ được đồng sử dụng phần diện tích đất $145,2\text{m}^2$ (trong đó, đất ở 90m^2 và $55,2\text{m}^2$ đất vườn), trị giá 435.600.000 đồng và được sở hữu các loại tài sản, cây cối trên phần đất được chia, thuộc thửa đất số 465, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 135, tờ bản đồ địa chính số 12), tại xóm 5 (Nay là xóm 2, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 257331 ngày 18/12/1996 mang tên cụ Phạm Thị Nh. Phần đất kích thước tứ cận cụ thể:

+ Phía Bắc giáp phần đất trích chia cho chị Cao Thị Th kích thước $23,75\text{m}$).

+ Phía Đông tiếp giáp đường vào ngõ ông Ngô Minh Thuận kích thước 7,15m).

+ Phía Nam giáp phần đất hộ ông Ngô Xuân Liên (Thửa đất số 144) kích thước các đoạn 11,58m + 4,34m + 3,26m + 4,42m).

+ Phía Tây giáp đường bê tông giao thông nông thôn kích thước 5,33m.

Chị Cao Thị Th phải tháo dỡ phần diện tích mái vĩa (0,33m x 3m) của ngôi nhà cấp bốn đưa ra phần đất chia cho bà H, bà L, bà Đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Ngọc L, bà Vũ Thị Đ về quyền đồng sở hữu, sử dụng chung phần tài sản được phân chia di sản thừa kế và được ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Ngọc L, bà Vũ Thị Đ được nhận khoản tiền Th toán trị giá quyền sử dụng 43,8m² là 131.400.000 đồng do chị Cao Thị Th giao lại.

Các phần đất trích, chia cho các Đ sự sử dụng có sơ đồ kèm theo bản án phúc thẩm.

Chị Cao Thị Th là người đang quản lý diện tích đất và các loại tài sản trên đất có nghĩa vụ thi hành án giao tài sản theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Các Đ sự có quyền và nghĩa vụ đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị H và bà Vũ Thị Ngọc L.

Bà Vũ Thị Đ phải chịu 9.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Cao Thị Th phải chịu 9.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho chị Cao Thị Th 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, theo Biên lai thu số 0004257 ngày 18/5/2021.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tr hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND C;
- VKSND C;
- Chi cục THADS C;
- Các Đ sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ph